

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH O
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 26/12/2023

“V/v: Đặng Thị V ly hôn Lê Đình T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH O, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Ngọc;

Ông Nguyễn Đình Cát;

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Anh Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O có công văn số: 01/2023 ngày 14/12/2023 về việc không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 216/2023/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị V**, sinh năm 1984. Có mặt

ĐKKH: thôn Trường X, xã Xuân D, huyện Thanh O, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại: xóm Tây N, xã Hải C, huyện Hải H, tỉnh Nam Định

- *Bị đơn:* Anh **Lê Đình T**, sinh năm 1986. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

ĐKKH: thôn Trường X, xã Xuân D, huyện Thanh O, Hà Nội

(Hiện đang đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở số 5, Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác nguyên đơn là chị Đặng Thị V trình bày:

Chị và anh Lê Đình T sau một thời gian tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân D, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng ra ở riêng sinh sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, khiến cho tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do anh T sa vào tệ nạn xã hội, nghiện ma Túy, không chăm lo cho gia đình vợ con, mặc dù đã được chị V khuyên bảo nhưng anh T vẫn không chịu thay đổi và tiếp tục dần sâu hơn vào ma Túy. Đến tháng 7/2021, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Trong thời gian sống ly thân, anh T thường xuyên gọi điện đe dọa chị V, bắt chị V về nhưng chị không về. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị V trình bày chị và anh T không có con chung

Về tài sản chung, công nợ chung và các yêu cầu khác của vợ chồng: Không có

Bị đơn là anh Lê Đình T: Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với yêu cầu ly hôn của chị V, anh T đồng ý và không có ý kiến trình gì khác.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình 2015: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị V.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đặng Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Đình T nên thuộc tranh chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Trường X, xã Xuân D, huyện Thanh O, Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh O, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục xét xử:

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, anh T trình bày hiện nay anh T đang cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện số 5, Xuân Phương, quận Nam Từ

Liêm, Hà Nội. Ngày 07/12/2023, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Đặng Thị V và anh Lê Đình T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân D, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội năm 2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T nghiện ma túy, sa vào tệ nạn xã hội, không chịu làm ăn để chăm lo cho gia đình. Mặc dù chị V đã nhiều lần khuyên bảo anh T nhưng anh T không nghe, đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Đến tháng 7/2021, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Do hai người không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn là chị V xin ly hôn với anh T. Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, anh T đồng ý ly hôn và không có ý kiến gì khác. Căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị V được ly hôn với anh T

[2.2] Về con chung: Quá trình kết hôn và chung sống, anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị V. Chị **Đặng Thị V** và anh **Lê Đình T** được ly hôn

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0020536 ngày 21/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh O .

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh O;
- Chi cục THADS huyện Thanh O;
- Các bên đương sự;
- UBND xã Xuân D;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TIẾN DŨNG